TAND HUYỆN THẠCH THÀNH **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HSST
Ngày 15/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Quách Hà Vính

2- Ông Bùi Văn Kiên

Th- ký phiên toà: Ông Bùi Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn L; sinh ngày: 05/10/1979; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn H, sinh năm 1945; con bà: Lê Thị H, sinh năm 1947; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 11 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 93 ngày (từ ngày 24/3/2020 đến ngày 24/6/2020), sau đó được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh từ ngày 24/6/2020 đến nay; Có mặt tại phiên tòa. Nhân thân: Ngày 03/3/2020, bị Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Tính đến thời điểm phạm tội ngày 23/3/2020, bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

2. Trương Xuân H; sinh ngày: 13/9/1981; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Xuân H, sinh năm 1957; con bà: Trịnh Thị Q, sinh năm 1959; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn nhất 16 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2020 đến ngày 20/7/2020 chuyển sang chấp hành án phạt tù theo bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020; có mặt tại phiên tòa. Nhân thân: Năm 1999, bị Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2004 bị Toà án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử

phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 03/3/2020, bị Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (Tính đến thời điểm phạm tội ngày 23/3/2020, bản án chưa có hiệu lực pháp luật).

3. Nguyễn Quốc V; sinh ngày: 22/9/1981; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K (đã chết); con bà: Trịnh Thị V (đã chết); Có vợ là Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 23/3/2020 đến ngày 26/3/2020, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Trung K; sinh ngày: 15/8/1982; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình T, sinh năm 1953; con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 23/3/2020 đến ngày 26/3/2020, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Văn A; sinh ngày: 14/8/1986; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn Ng, sinh năm 1960; con bà: Trịnh Thị Q (đã chết); Có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn nhất 03 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 23/3/2020 đến ngày 26/3/2020, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

6. Lưu Duy T; sinh ngày: 27/3/1986; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Đình P, sinh năm 1947; con bà: Phạm Thị Đ, sinh năm 1947; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 23/3/2020 đến ngày 26/3/2020, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Viết C; sinh ngày: 30/11/1979; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B (đã chết); con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1953; Có vợ là Trương Thị H, sinh năm 1986 và 03 con, cùng 10 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/3/2020 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Văn H; sinh ngày: 10/8/1989; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình P, sinh năm 1957; con bà: Vũ Thị T, sinh năm 1960; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/3/2020 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Tiến T; sinh ngày: 10/10/1976; tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Trung T, sinh năm 1931; con bà: Ngô Thị T, sinh năm 1933; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2020 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 23/3/2020, Vũ Văn L đang ở nhà tại thôn T, xã T thì có Trương Xuân H, Nguyễn Quốc V, Trần Trung K, Phạm Viết C, Trần Văn H, Vũ Văn A và Lưu Duy T đến chơi. Khi ngồi uống nước tại nhà L, cả bọn cùng rủ nhau đánh bài ăn tiền dưới hình thức xóc đĩa. T lấy chiếu, bát sứ, đĩa sứ tại nhà L và cùng với A cắt 4 "quân vị" từ vỏ bao thuốc lá làm công cụ để cả bọn cùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T là người xóc đĩa, mỗi ván chơi đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, không giới hạn mức đặt cửa tối đa. Khoảng một lúc sau, có Phạm Tiến T đến và tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 10 giờ 25 phút cùng ngày, thì bị tổ công tác Công an huyện Thạch Thành phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trương Xuân H, Trần Trung K, Vũ Văn A, Nguyễn Quốc V, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 25.980.000 đồng, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 04 "Quân vị" hình tròn, thu giữ tại túi áo ngực bên trái của Vũ Văn A 90.000 đồng. Các đối tượng còn lại bỏ chạy nên không bắt được. Cùng ngày Lưu Duy T, Phạm Viết C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành đầu thú. Ngày 24/3/2020 Vũ Văn L, Trần Văn H đầu thú. Đến ngày 28/3/2020, Phạm Tiến T ra đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc trái phép của bản thân và đồng phạm. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền 90.000 đồng thu giữ của Vũ Văn A là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định là 26.070.000 đồng.

Xác minh về điều kiện tài sản, thu nhập, xác định các bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định.

Về vật chứng vụ án: Thông qua bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 26.070.000 đồng;
- 01 chiếc bát sứ, màu trắng nhãn hiệu MINH LONG 1;

- 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, một mặt có hoa văn, đáy đĩa có in chữ "B-T";

- 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá.

Tại bản cáo trạng số 42/CTr - VKS TT, ngày 29/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành đã truy tố các bị cáo Vũ Văn L, Trương Xuân H, Nguyễn Quốc V, Trần Trung K, Vũ Văn A, Lưu Duy T, Phạm Viết C, Trần Văn H, Phạm Tiến T về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS). Tại phiên Tòa đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Văn L từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 06 tháng tù tại bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 đến 21 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lưu Duy T 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 BLHS xử phạt bị cáo Trương Xuân H 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 đến 21 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Trần Trung K 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Văn A 10 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Viết C 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Tiến T từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.070.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ và 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá.

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo T; Các bị cáo khác phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh về tài sản thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản có giá trị, thu nhập không ổn định nên đại diện VKS đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phần tranh tụng các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành, Điều tra viên, VKSND huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đều đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, hiện trường vụ án, vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hành vi đánh bạc dưới hình thức "xóc đĩa", được thua với nhau bằng tiền, tại phòng ngủ của gia đình Vũ Văn L thuộc thôn T, xã T, huyện T vào khoảng 09 giờ ngày 23/3/2020 của các bị cáo Vũ Văn L, Trương Xuân H, Nguyễn Quốc V, Trần Trung K, Vũ Văn A, Lưu Duy T, Phạm Viết C, Trần Văn H, Phạm Tiến T đã phạm vào tội *"Đánh bạc"*. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc được xác định là 26.070.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Thạch Thành truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án và vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án hình sự ít nghiêm trọng có đồng phạm và có tính chất giản đơn do Vũ Văn L và các đồng phạm thực hiện. Trong đó L là chủ nhà sử dụng nơi ở của mình cho người khác đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc từ đầu; Lưu Duy T là người chuẩn bị công cụ, trực tiếp xóc cái và tham gia đánh bạc nên có vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo A cùng tham gia cắt quân vị với T nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án; các bị cáo H, V, C, H, K tham gia đánh bạc ngay từ đầu nên cùng giữ vai trò như nhau và thấp hơn bị cáo L, T và A. Sau cùng là bị cáo Phạm Tiến T tham gia đánh

bạc sau nên có vai trò thấp nhất trong vụ án. Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất an ninh trật tự xã hội, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm đồng thời làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác. HĐXX xét thấy cần xét xử các bị cáo một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, các bị cáo Nguyễn Quốc V, Trần Trung K, Vũ Văn A, Lưu Duy T, Phạm Viết C, Trần Văn H, Phạm Tiến T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo L, T, C, H, T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Đầu thú", các bị cáo V, C, T, K, T có "bố là người có công với cách mạng" được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Bị cáo Vũ Văn L và Trương Xuân H bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử về hành vi đánh bạc vào ngày 03/3/2020, Tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. HĐXX xét thấy, cần xét xử các bị cáo một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6]. Đối với các bị cáo T, V, A, K, C, H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, nên căn cứ Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[7]. Bị cáo T tham gia đánh bạc sau, có thời gian đánh bạc ít hơn các bị cáo khác, có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp pháp luật. Bị cáo là người tàn tật, đang được hưởng trợ cấp xã hội từ Ngân sách nhà nước và không có thu nhập nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Về tổng hợp bản án, theo bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020 của TAND huyện Thạch Thành:

[8]. Bị cáo Trương Xuân H bị xử phạt 09 tháng tù, sẽ được tổng hợp với hình phạt của bản án mới để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại Điều 56 BLHS. Bị cáo H được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành án (06 ngày của bản án trước), thời gian chấp hành án được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam của bản án đang xét xử.

[9]. Bị cáo Vũ Văn L bị xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật, được quy đổi thành 06 tháng tù, sẽ được tổng hợp với hình phạt của bản án mới để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại Điều 56 BLHS. Bị cáo L được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành án (06 ngày của bản án trước và 03 tháng của bản án đang xét xử).

[10]. Do hình phạt cải tạo không giam giữ đối với Vũ Văn L đã được quy đổi thành hình phạt tù, nên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với Vũ Văn L nữa.

[11]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 26.070.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Các vật chứng là 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ và 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[12]. Về áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền: Kết quả xác minh về tài sản thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[13]. Về án phí:

Bị cáo Phạm Tiến T là người khuyết tật, tại phiên toà, bị cáo xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy cần miễn án phí đối với bị cáo này.

Các bị cáo khác phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn L, Trương Xuân H, Nguyễn Quốc V, Trần Trung K, Vũ Văn A, Lưu Duy T, Phạm Viết C, Trần Văn H, Phạm Tiến T phạm tội: "Đánh bạc".

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Văn L 12 (Mười hai) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS: Tổng hợp với hình phạt của bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành là 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ 03 (ba) tháng 09 (Chín) ngày bị tạm giữ, tạm giam của cả hai bản án.

Bị cáo L không phải thi hành khoản tiền khấu trừ thu nhập theo quyết định của bản án số 08/2020/HSST, ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 321 điểm s khoản 1 điều 51, Điều 38, Điều 17 và điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Xuân H 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS: Tổng hợp với hình phạt của bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành là 09 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23/3/2020), được trừ 06

(sáu) ngày bị tạm giữ tại bản án số 08/2020/HSST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Vũ Văn A 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Quốc V, Trần Trung K, Lưu Duy T, Phạm Viết C, Trần Văn H:

Xử phạt bị cáo Lưu Duy T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Trung K 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Viết C 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo T, K, V, C, H cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo A cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 36 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Tiến T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

*** Về xử lý vật chứng**: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 26.070.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền này đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Thạch Thành theo ủy nhiệm chi số 01 ngày 04/8/2020 của Công an huyện Thạch Thành.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, màu trắng nhãn hiệu MINH LONG 1; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, một mặt có hoa văn, đáy đĩa có in chữ "B-T"; 04 quân vị hình tròn

được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành ngày 10/8/2020).

*** Án phí:** Áp dụng: Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 23, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo L, H, T, K, V, H, C, A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Tiến T.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CA huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cúc